

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST
Ngày 28-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Xuôi.
2. Ông Kiên Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Lập - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2020/HSST, ngày 09 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2020/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn H, sinh năm 1987 tại tỉnh Trà Vinh; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: không nghề nghiệp; Trình độ văn hoá: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Lê Văn B, sinh năm 1961 (đã chết) và bà Lê Thu H, sinh năm 1966. Anh chị em ruột: có 01 người, sinh năm 1992. Vợ tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1997; Con ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền sự: không.

Tiền án: không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra; (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

Chị Lê Thị L, sinh năm 1992. (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa gồm: không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Văn H là anh ruột của bị hại Lê Thị L, cả hai sinh sống chung nhà tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do bị cáo thiếu nợ người khác và thường xuyên bị yêu cầu trả nợ. Vào ngày 19/6/2020, trong lúc quét dọn nhà, bị cáo H nhìn thấy chị L có cất một chiếc nhẫn 03 chỉ vàng 24Kra, loại nhẫn trơn trong túi xách ở trong phòng ngủ của chị L (đây là tài sản riêng của chị L). Khoảng 15 giờ 54 phút, ngày 22/6/2020, chủ nợ yêu cầu trả nợ nhưng bị cáo H không có tiền nên nảy sinh ý thức trộm chiếc nhẫn vàng của chị L bán lấy tiền trả nợ. Khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, lợi dụng chị L đi tắm, bị cáo H lén lút vào phòng ngủ của chị L, đến vị trí đặt túi xách trên kệ giày dép dưới sàn giường ngủ, bên trong có 01 (một) chiếc nhẫn 03 chỉ vàng 24Kra và 01 (một) vòng đeo tay trọng lượng 01 (một) chỉ vàng (nhẫn và vòng cất ở hai ngăn kéo khác nhau của túi xách). Bị cáo H mở túi xách nhìn thấy chiếc nhẫn vàng 24Kra để trong túi vải đỏ (loại túi đựng vàng) nên lấy trộm mang về phòng ngủ của bị cáo cất giấu trong thùng (xô) nhựa chứa gạo, dự định tối đem bán. Khoảng 10 phút sau, chị L tắm xong vào phòng kiểm tra tài sản phát hiện chiếc nhẫn 03 (ba) chỉ vàng 24Kra bị mất, từ đó chị L trình báo Cơ quan Công an. Sau khi tiếp nhận tin báo, qua làm việc tại Cơ quan Công an, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và giao nộp chiếc nhẫn vàng bị cáo H lấy trộm của chị L.

Tại bản kết luận giám định số 3952/C09B ngày 11/8/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 nhẫn tròn, trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có khắc chữ “24K CONG HUNG 999 3 CHỈ” có thành phần kim loại Vàng (Au) hàm lượng: 99,87%, Bạc (Ag) hàm lượng: 0,13%, khối lượng 11,2544 gam.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 88/KL-ĐGTS ngày 21/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Càng Long kết luận: 01 nhẫn tròn, trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có khắc chữ “24K CONG HUNG 999 3 CHỈ” có thành phần kim loại Vàng (Au) hàm lượng: 99,87%, Bạc (Ag) hàm lượng: 0,13%, khối lượng 11,2544 gam tại thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 22/6/2020) có giá trị 14.400.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long thu giữ và trao trả cho Lê Thị L: 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng (dạng nhẫn trơn) mặt trong của chiếc nhẫn có dòng chữ “24K CONG HUNG 999 3 CHỈ” và 01 (một) túi dây rút bằng vải màu đỏ có in dòng chữ “KIM CÔNG HUNG” kích thước 8,5cm x 7,5cm.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Lê Văn H đã giao trả tài sản lấy trộm cho bị hại Lê Thị L.

Tại Cáo trạng số: 49/CT-VKSCL, ngày 08/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Lê Văn H tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Văn H thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 22/6/2020, lợi dụng chị L đi tắm, bị cáo lén lút vào phòng ngủ của chị L, bị cáo mở túi xách nhìn

thấy chiếc nhẫn vàng 24Kra để trong túi vải đỏ (loại túi đựng vàng) nên lấy trộm mang về phòng ngủ của bị cáo cất giấu trong thùng (xô) nhựa chứa gạo, dự định tối đem bán lấy tiền trả nợ.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo bị cáo Lê Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Lê Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Đại Phúc, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo Lê Văn H thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Lê Văn H) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (Lê Văn H) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Ngoài ra, vị còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo theo quy định.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn H tại phiên tòa hôm nay là “thường ngày bị cáo đến dọn dẹp, vệ sinh phòng ngủ của chị L và phát hiện trong phòng có chiếc túi xách cho nên đến khoảng 17 giờ 45 phút ngày 22/6/2020, lợi dụng chị L đi tắm, bị cáo lén vào phòng ngủ của chị L mở túi xách nhìn thấy chiếc nhẫn vàng 24Kra để trong túi vải đỏ (loại túi đựng vàng) mang về phòng ngủ của bị cáo, sau đó đem đi cất giấu trong thùng (xô) nhựa đựng gạo, dự định tối đem bán để lấy tiền trả nợ”, lời khai này là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại cùng với các tài liệu, vật chứng và các chứng cứ khác do cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

Do vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng qui định pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo Lê Văn H là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích cho gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, lợi dụng sự sơ hở của bị hại, bị cáo lấy trộm vàng nhằm mục đích bán lấy tiền trả nợ nên đã lao vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, hành vi của bị cáo là thể hiện bị cáo xem thường pháp luật.

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật.

Nhằm góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt hình sự bị cáo Lê Văn H là cần thiết, nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử cũng cần xem xét những tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội; có người thân tham gia cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo Lê Văn H có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần bắt bị cáo Lê Văn H chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ khả năng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung

cho toàn xã hội. Việc cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm. Nay bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng (dạng nhẫn trơn) mặt trong của chiếc nhẫn có dòng chữ “24K CONG HUNG 999 3 CHỈ” và 01 (một) túi dây rút bằng vải màu đỏ có in dòng chữ “KIM CÔNG HUNG” kích thước 8,5cm x 7,5cm. Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho người bị hại xong, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Văn H có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 327, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[1] Tuyên bố:

Bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng. Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Lê Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Đại Phúc, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo Lê Văn H thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Lê Văn H) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (Lê Văn H) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm. Nay bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho người bị hại xong, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Lê Văn H có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng tiền án phí.

Báo cho bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung